

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/DS-ST

Ngày 13-02-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong các ngày 09 và 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Anh **Nguyễn Lê N**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Chị **Lâm Thị Anh T**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khu V L, phường L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị **Lê Thị N2**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số G, Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ. Liên hệ: Khu vực 3, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Lê Văn Q và bà Lê Thị N1 là hàng xóm láng giềng quen biết với nhau nên ông Q có tham gia các dây hụi của bà Lê Thị N1, cụ thể:

- Dây hụi 1 (hụi tháng): Ngày 02-6-2022, ông Q tham gia hụi do bà N1 làm

chủ hội, dây hội có 55 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng/tháng, khai mỗi tháng một lần; ông Q tham gia 03 phần và đã góp hội cho bà N1 đến lần khai hội thứ 12 với tổng số tiền đã góp là 36.000.000 đồng thì bà N1 tuyên bố vỡ hội và ông Q chưa được hốt hội.

- Dây hội 2 (hội tuần): Ngày 02-9-2022, ông Q tham gia hội do bà N1 làm chủ hội, dây hội có 70 phần, mỗi phần là 100.000 đồng/tuần, khai mỗi tuần một lần; ông Q tham gia 02 phần và đã góp hội cho bà N1 đến lần khai hội thứ 36 với tổng số tiền đã góp là 7.200.000 đồng thì bà N1 tuyên bố vỡ hội và ông Q chưa được hốt hội.

Như vậy, bà N1 còn thiếu ông Q tổng cộng là 43.200.000 đồng. Ông Q đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả lại số tiền này nhưng bà N1 không trả. Do đó, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Lê Thị N1 trả cho nguyên đơn ông Lê Văn Q số tiền hội còn nợ là 43.200.000 đồng.

Tại Tờ tường trình ngày 13-01-2026 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị N1, người đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến trình bày như sau:

Bà Lê Thị N1 là chủ hội nhưng do có quá hội con hội (hội viên) không góp hội cho bà nên bà phải trả hội cho các hội viên. Từ đó, bà N1 không có khả năng trả một lần tiền hội còn nợ cho ông Q, bà xin trả từng dây hội theo số tiền mà ông Q đã thực góp cho bà, cụ thể như sau:

- Hội tháng (mỗi tháng khai một lần): Ngày 02-6-2022, có 55 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng/tháng, ông Q tham gia 03 phần, đã góp hội được 12 lần với số tiền thực góp là 22.170.000 đồng.

- Hội tuần (mỗi tuần khai một lần): Ngày 03-8-2022, có 70 phần, mỗi phần 100.000 đồng/tuần, ông Q tham gia 02 phần, đã góp hội được 36 lần với tổng số tiền thực góp là 5.008.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hội mà ông Q đã góp cho bà N1 ở cả hai dây hội nêu trên là 27.178.000 đồng. Ý kiến của bà N1 đồng ý trả cho ông Q số tiền hội là 27.178.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ; yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng góp hội. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đã thống nhất với nhau về quá trình giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng góp hội. Cụ thể, bị đơn bà Lê Thị N1 là chủ hội, ông Lê Văn Q là hội viên. Ông Q tham gia 02 dây hội của bà N1

gồm: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 02-6-2022, có 55 phần, ông Q tham gia 03 phần, đóng hui sống được 12 lần; Hui tuần 100.000 đồng, mở ngày 03/8/2022, có 70 phần, ông Q tham gia 02 phần, đóng hui sống được 36 lần. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q:

[4] Giao dịch góp hui được xác lập giữa bà Lê Thị N1 (chủ hui) và ông Lê Văn Q (hui viên) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận hui viên Lê Văn Q góp hui sống đầy đủ và đúng hạn. Lý do ngưng hui là do nhiều hui viên khác không góp hui chết cho chủ hui nên bà Lê Thị N1 phải trần hui quá nhiều, dẫn đến vỡ hui, không có lỗi của ông Q.

[5] Điểm d khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường quy định thành viên trong hui (hộ) có lỗi có quyền: *“Hưởng lãi từ thành viên lĩnh hộ”*. Trong trường hợp này, ông Lê Văn Q đã góp hui sống hợp lệ được 12 kỳ ở dây hui tháng và 36 kỳ ở dây hui tuần, nên có quyền hưởng lãi từ các thành viên đã hót hui (lĩnh hộ) trong các kỳ khai hui đó. Các dây hui bị ngưng là do chủ hui không đủ khả năng trần hui (góp thay phần hui chết cho các hui viên đã lĩnh hui). Nay, nếu chỉ trả tiền hui thực góp cho hui viên chưa lĩnh hui thì phần lãi hui đã bỏ ra này sẽ do chủ hui hưởng khi truy đòi tiền hui chết của hui viên đã lĩnh hui là không phù hợp.

[6] Về mức lãi cụ thể, tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường có quy định: *“Lãi suất trong hộ có lãi do các thành viên của dây hộ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần hộ phải góp trừ đi giá trị các phần hộ đã góp trên thời gian còn lại của dây hộ”*. Do bị đơn bà Lê Thị N1 là chủ hui, không cung cấp được sổ hui và các giấy tờ thể hiện số tiền lãi hui mà hui viên đã bỏ ra trong từng kỳ mở hui nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền hui thực góp và lãi hui được hưởng ở các kỳ mở hui là có cơ sở.

[7] Như vậy, ở dây hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 02-6-2022, ông Q tham gia 03 phần, góp được 12 lần hui thì số tiền hui đã góp và lãi hui được hưởng trong 12 kỳ khai hui là 36.000.000 đồng. Ở dây hui tuần 100.000 đồng, mở ngày 02-9-2022, ông Q tham gia 02 phần, góp được 36 lần hui thì số tiền hui đã góp và lãi hui được hưởng trong 36 kỳ khai hui là 7.200.000 đồng. Tổng cộng số tiền hui mà bà N1 phải trả lại cho ông Q là 43.200.000 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn Q số tiền hội đã góp và lãi hội được hưởng là 43.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Văn Q không phải chịu án phí, trả lại cho ông Lê Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.080.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011778 ngày 09-12-2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn bà Lê Thị N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.160.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm